

4^o) Phương - pháp tự - nhiên (Méthode naturelle).

Phương-pháp thể-dục này do trung-úy Hải-quân Georges Hébert đề-xướng lên. Nó chịu ảnh-hưởng nhiều của phương-pháp Amoros. Mục-dịch của phương-pháp này là : làm cho tròn cơ-thể cử-động trong mỗi cách đúng phương-pháp chớ không phải một thành-phần nào.

Trung-úy Hébert nói rằng : « Nếu người ta quan-sát một con vật sống tự-do thì người ta thấy rằng con vật ấy đi đến sự phát-triển đầy đủ cơ-thể của nó bằng cách thực-hành các cử-động mà tự nó bị bắt buộc phải làm để tự bảo-vệ và tồn-tại ».

Đó là định luật thiên-nhiên mà con người, một trong muôn ngàn sinh-vật khác phải tuân theo để việc đi đứng và các cử-động cần-thiết khác cho sự bảo-vệ con người giúp phát-triển một cách hoàn-bị và đạt trình-độ cao nhất về phương-diện tận thiện của cơ sinh-lý. Bằng chứng là ngày nay trên mặt địa-cầu, những kiểu-mẫu con người đẹp nhất về sức mạnh, về vẻ đẹp, về sức khỏe chỉ còn tìm thấy ở những dân-tộc bán khai, lạc-hậu như người da-đen ở Phi-châu, người da đỏ ở Mỹ-châu v. v ... Các dân-tộc này chỉ biết hoạt-động theo phương-pháp tự-nhiên và cần-ích thôi.

Xưa kia, các quân-sĩ Hy-lạp và La-mã mà vẻ đẹp của cơ thể ngày hôm nay chưa có dân-tộc nào qua nổi, chỉ biết tập luyện theo phương-pháp tự nhiên mà thôi.

Nói tóm lại, phương-pháp Hébert chủ-trương sự quay về thiên-nhiên và chú-trọng đến vừa kết-qua cá-nhân, vừa kết-qua của đoàn-thể.

Các cuộc tập-luyện cũng như các trò chơi đều vui vẻ ở giữa trời.

5^o) Thể-dục lực-sĩ (La gymnastique athlétique).

Lối thể-dục này bắt chước lối thể-dục Hy-lạp ngày xưa và chú-trọng nhứt về sự điều-hòa các cử-chỉ cùng sự phô-diễn. Tức là « nghệ-thuật cử-động cho đẹp ».

Loại thể-dục này lại biến ra nhiều hình thức như sau :

a) Phương-pháp của nhà thể-dục Raymond Duncan chủ-trương phát-triển sự dịu-dàng và vẻ tru-nhã (vẻ đẹp). Các nữ thiếu-niên bận áo choàng mỏng như đàn-bà Hy-lạp đời xưa, để bấp chân không, di chân không mà tập-luyện như người đàn bà cổ Hy-lạp.

b) Phương-pháp của nhà thể-dục Georges Demy. Phương-pháp này gồm những cử-động gọn gàng, thanh-nhã, toàn-diện và liên-tục có nhạc hòa theo. Phương-pháp này chú-trọng đến vẻ đẹp của cơ-thể và làm cho vẻ đẹp ấy được hiển hiện.

c) Phương-pháp thể-dục nhịp-nhàng của Jacques Dalcoze.

Các cử-động đều có âm-nhạc hướng-dẫn. Vì thế mà các cử-động ấy rất dịu-dàng uyển-chuyển.

Các phương-pháp vừa kể, dành cho những hàng quý-phái mà thôi.

6^o) Phương-pháp thể-dục chính-thức được công-nhận. (Méthode officielle). Phương-pháp này là sự tổng-hợp những cái hay của các phương-pháp khác. Các yếu-điểm của phương-pháp này là :

a) Phương-pháp này vừa sức bất cứ hạng người nào.

Có hai phần như sau :

Phần nhứt: Các sự tập-luyện để mở mang cơ-thể sửa chữa các cốt-cách xấu, làm điều-hòa tinh-thần và cơ-thể cá-nhân.

Phần nhì : Sự áp-dụng các cử-động. Học-sinh học cách áp-dụng các cử-động và sức lực của mình trong các cuộc chơi, các cuộc đánh vật, các cuộc du-ngoạn.

Thễ-cụ gồm có : gậy, vành tròn, cây dài, trái tầm, thang, dây, cây sào.

b) Phương-pháp này rất hợp-lý. Nó không có cái chi là mờ ám, dị-đoan. Tất cả các cử-động đều được lựa chọn kỹ-càng cần đưa đến một kết-quả điều-hòa và may-mắn. Sự lựa chọn các cử-động căn-cứ vào khoa Giải-phẫu, khoa Sinh-lý học và môn Vệ-sinh.

c) Phương-pháp này có một giá-trị giáo-dục nhất định.

Những kết quả cần được liệt vào ba loại như sau :

Kết-quả về phương-diện vệ-sinh : Nó làm cho sức khỏe trẻ-con tăng lên, làm cho chúng trở nên bền bỉ để chịu nổi mọi sự cực-nhọc.

Kết-quả về phương-diện sửa chữa : Phương-pháp này sửa chữa các thờ gân suy-nhược của ngực, lưng, bụng, những cách ngồi, đứng, đi xấu xa.

Kết-quả về tinh-thần đạo-đức : Phương-pháp này kích-thích sự cố gắng cá-nhân, mở mang những đức-tính tốt như : tinh-thần kỷ-luật, tinh bạn-bè, tinh đoàn-kết và sự hy-vọng, lòng gan dạ, sự bền bỉ chịu cực nhọc.

F) BỒN-PHẬN GIÁO-CHỨC DẠY MÔN THỄ-DỤC.

Nam nữ giáo-chức dạy môn Thễ-dục, dù ở hạng tuổi nào cũng phải đủ khả-năng dạy đúng và hết chương-trình. Nếu vì sức khỏe kém hay vì một tật bệnh tạm thời mà giáo-chức không thể dạy một cử-động nào thì giáo-chức phải chọn một giảng tập viên (học-sinh giỏi nhất lớp) thay thế mình. Giáo-chức bắt đầu giảng-giải cử-động ấy cho giảng-tập-viên để giảng-tập-viên diễn lại cho toàn lớp.

làm theo dưới sự chăm nom của giáo-chức. Mấy chỗ sai được giáo-chức chữa lại ngay.

Giáo-chức cần có những tri-thức khá đầy đủ về khoa Sinh-lý, Khoa Giải-phẫu và khoa Vệ-sinh.

Giáo-chức phải tùy tuổi học-sinh mà soạn bài cho thích hợp và cho kỹ-lưỡng. Bài phải được viết vào tập.

Đầu niên học, giáo-chức phải sắp học-sinh ra nhiều loại tùy theo tuổi, theo sự phát-triển về sinh lý của cơ-thể (do ngực, do bề cao, sức nặng, khả-năng thị-giác, thính-giác v.v...) tùy theo giá-trị thể-dục (chạy, nhảy, liệng). Giáo-chức phải tùy theo ý-kiến của vị bác-sĩ thanh-tra mà tổ-chức sự sắp xếp ấy.

Học-sinh được chia thành 3 nhóm : hạng mạnh khỏe, hạng vừa, hạng yếu đuối.

Trong hạng vừa có hạng bất lực tạm thời hoặc vĩnh-viễn. Cứ ba tháng một, thì có sự xét lại cách sắp xếp ấy, để có sự sửa chữa. Mỗi nhóm sẽ có một chỉ-huy hay trưởng-toán được chọn trong số học-sinh có lực-lượng nhất và có nhiều tính tốt như tính ngay thẳng, chơn-thật, thành-thật và trí nhớ dai.

KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn Thể-dục có một ích-lợi không thể chối cãi được. Vừa tránh cho học-sinh ở trường sự lao-lực quá lễ, môn Thể-dục giúp chúng có một cơ-thể tráng-kiện, kích thích sự cố gắng và làm cho ý-chí chúng dặng vững vàng.

Môn Thể-dục đi sát với các môn Giáo-dục tổng quát.

Chơn-lý ấy, người cổ Hy-lạp đã hiểu rành lắm và cho rằng : « Thể-dục phải đi đôi với Trí-dục. »

Một lần nữa, triển-vọng của người cổ Hy-lạp là « một tinh-thần tráng-kiện trong một cơ-thể tráng-kiện ».

Câu ấy ngày hôm nay vẫn còn giá-trị.

CHƯƠNG NĂM

MÔN TOÁN

Lời chỉ-dẫn của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.
(Chương-trình ấn-định ngày 16-7-1959)

Chương-trình Toán-pháp soạn theo những nguyên-tắc sau đây :

1^o) Chỉ chọn lấy những điều cốt-yếu cần-thiết cho đời sống mà dạy học-trò.

2^o) Luyện cho trẻ con có thói quen và khuynh-hướng về đường thực-tế.

Theo hai nguyên-tắc ấy, chương-trình sẽ gồm những điều cần-thiết cho đời sống và các bài dạy toán-pháp sẽ có liên-lạc mật-thiết với công việc hằng ngày. Những số dùng phải là những danh số thường gặp chung quanh mình, những thí-du, đề-mục đều phải thực-tế ở các lớp dưới, cần có nhiều vật nhỏ như hạt (hột) thẻ tre v.v... cho trẻ con đếm.

Cũng vì những lẽ trên, phương-pháp dạy toán là phải « dạy ít tập nhiều ».

Ở tất cả các lớp, thầy nên chú trọng về tính miệng, tập sao học trò làm thật nhanh, thật đúng, thì khi ra đời

mới có ích. Vậy nên chia chương-trình tính trăm như sau đây :

Ở ba lớp dưới phần nhiều làm miệng.

Lên lớp Nhì, và lớp Nhất nên dạy tính miệng có phương-pháp đủ cả bốn phép : cộng, trừ, nhân, chia.

Mỗi kỳ dạy toán-pháp, đề năm phút ôn tính trăm, và khi làm tính đổ, nên cho học trò làm tính đổ bằng miệng, không phải đặt xuống giấy, chỉ lấy lời giải đổ thôi.

Về đo-lường và hình-học nên cho thực-hành sát sự thật cho quen. Thí-dụ học về cân thì cân thật, học về đo ruộng thì cho ra vườn, ruộng đo thật.

Về ước-lượng, thì cho ước-lượng chiều dài, diện-tích thể-tích, thời-giờ, dung-tích. Tập ước-lượng khi ở trong lớp, ngoài sân, trong giờ hoạt-động thanh-niên và các cuộc đi chơi. Ước-lượng xong phải kiểm-soát ngay.

Tập cho trẻ đo và nhớ lấy chiều dài một gang, một sải, một cánh tay, một bước của mình, để khi không có mét cũng ước-lượng được.

Số giờ dành cho môn Toán ở các lớp Sơ-tiểu trong mỗi tuần.

Lớp Năm

Số giờ mỗi tuần : 2 giờ 30 phút.

Lớp Tư

Số giờ mỗi tuần : 3 giờ.

Lớp Ba

Số giờ mỗi tuần : 3 giờ.

Lớp Nhì (Nam-sinh)

Số giờ mỗi tuần : 3 giờ 50'.

Lớp Nhi (nữ - sinh)

Số giờ mỗi tuần : 3 giờ 50'

Lớp Nhứt (nam-sinh)

Số giờ mỗi tuần : 3 giờ 50'

Lớp Nhứt (nữ-sinh)

Số giờ mỗi tuần : 3 giờ 50'

Chương-trình môn Toán ở các lớp sơ-tiểu
(Ban hành ngày 16-7-1959)

Lớp Năm

Số Học : Học những môn số từ 1 đến 100 : phép đọc và viết đếm những đồ vật và viết thành số cho đến 100. Dùng những học-liệu như thẻ, sỏi, quả, hạt mà dạy v.v... lấy những đồ vật mà giải nghĩa : thêm, bớt, sau lấy con số mà cộng, trừ. Đại ý của phép cộng, trừ : tập đếm mỗi lần cứ thêm hoặc bớt 2, 5, 10 trong khoảng từ 0 đến 100, từ 100 trở xuống. Tập cộng và trừ những số nguyên có hai con số. Số giữ lại (số nhớ). Phép thử tính cộng và tính trừ.

Bài tập thực-hành bằng miệng, trên bảng nhỏ hoặc trong vở, phải làm cho nhiều.

Phép đo lường : Nói về những đồ thường dùng để đo lường trong vùng.

Tập cho học-trò dùng mét, decimét đôi, dùng tiền tệ từ 0\$10 đến 20\$00.

Bài tập phải có tính cách thực hành, cần đo, đo bằng gang, bằng bước v.v...

Vẽ gạch : Vẽ gạch đường thẳng, đường gãy, đường cong (tập học trò nhận thấy các gạch đường ấy ở những đồ vật trước mắt, bàn ghế, lớp học, mét, đồng xu v.v...)

Lớp Tư

Số học : Học những số dưới 1.000. Tính cộng và tính trừ, phép thử. Bài tập về cộng và trừ (tính miệng hoặc viết) gấp lên 2, 3, 4, lần. Một nửa, một phần ba, một phần tư. Giảng với vật liệu cho học trò biết ý nghĩa tính nhân. Tập nhân với những số có một con số. Bảng nhân 2, 3, 4, 5. Tính nhân với những số nguyên (số phải nhân không quá hai con số, số nhân chỉ có một con số).

Tập cho học trò tính miệng, làm toán cho nhanh và chắc chắn. Các bài tập làm cho nhiều với những số cụ thể. Tính đồ nhỏ.

Phép đo-lượng : Mét, lít, kilogam. Tập đo những chiều dài, tập lấy mắt mà ước lượng những kích thước xa, gần, so sánh các đồ, đo lường cái nọ với cái kia.

Tập đóng, tập cân, tập ước lượng bằng mắt nhìn, bằng tay xách xem nhiều ít, nặng nhẹ, rồi dùng đồ đóng, hoặc cái cân mà kiểm soát lại.

Tiền tệ : 50 \$, 100 \$, 200 \$, 500 \$.

Hình-học : Ý niệm về điểm, đường. Các thứ đường, các chiều dài của đường thẳng, đường song song, đường thẳng góc, đường xiên góc. Các góc : góc vuông, góc nhọn, góc tù.

Ý-niệm về hình vuông và hình chữ nhật.

Vẽ, gạch : Tập vẽ tay những đường, góc và hình đã học.

Lớp Ba

Số-học : Học những con số trên 1.000. Tính cộng và tính trừ, phép thử. Bảng nhân. Tính nhân (số nhân không quá 3 con số).

Tính chia (số chia không quá 2 con số).

Ý-niệm về số thập phân : Cộng trừ hoặc chia những số thập phân dễ.

Tính miệng : Cộng, trừ, nhân, chia. Tính đố.

Tập cho học trò biết dùng bốn phép ; cộng, trừ, nhân, chia.

Phép đo lường : Ôn lại chương-trình lớp tư. Giải nghĩa hệ-thống thập-phân. Bội-số và ước-số của mét.

Những đồ đo bề dài thực tại. Dây xích đo đất. Đồ đo dung-tích thực-tại.

Mét vuông — Diện-tích.

Những bài tập làm miệng hoặc viết. Những bài tập phải luôn luôn có tính cách thiết-thực.

Hình học : Hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành, hình tam giác. Giảng giải và tập cho học trò nhận thức các hình ấy ở chung quanh mình.

Cách tính chu-vi và bề mặt các hình nói trên.

Vẽ gạch : Kẻ vuông. Vẽ tay những hình đã học. Tập dùng decimét đôi, thước ê-ke. Cắt giấy dán các hình ấy.

Lớp Nhì

Số học : Ôn lại bốn phép tính với những số lớn. Số thập phân : cộng, trừ, nhân, chia. Phương pháp tính mau, tính miệng những bài dễ.

Ý-niệm về những phân-số : cộng, trừ phân-số.

Ý-niệm về tạp-số : sự trắc-định thời giờ.

Cách đổi tạp-số : Cộng, trừ tạp số.

Tính đố và bài tập về những vật thông-thường.

Phép đo lường : Ôn lại chương-trình lớp Ba. Những bội-số và ước-số của mét vuông. Đo diện-tích — Cao tây, sào tây, mẫu tây (centiare, are, hectare).

Học về trọng lượng: Bội số và ước số của kilogam.

Tính đổ về diện-tích dung tích và trọng lượng.

Hình học: Ôn lại chương trình lớp Ba. Học thêm hình thoi, hình thang, hình nhiều góc, hình tròn, hình vành khăn.

Vẽ hình học: Cách dùng decimét đôi, thước ê-ke, Công-ba để vẽ các đường, các góc, các hình đã học.

LỚP NHẤT

Số học: Đặc tính chia chẵn số, phân số. Bốn phép tính về phân số. Tập số: Cộng, trừ, nhân, chia tập số. Toán về động-tử.

Qui-tắc tam-suất (thẻ đơn). Tính bách phân, chia theo tỷ-lệ.

Tập làm sổ chi thu trong gia đình.

Phép đo lường: Thẻ tích, Mét khối, bội số và ước số. Tỷ trọng. Sự liên lạc của tỷ-trọng và thẻ tích.

Hình học: Ôn lại các hình đã học. Tỷ-lệ xích. Khối vuông, khối chữ nhật, khối lăng trụ, khối viên trụ, khối ống, phép tính các hình đổ.

Tập cho học trò đo những vật có hình dáng những hình đã học (thùng hồ nước, đồng củi v v ...)

Vẽ hình học: Tập vẽ bằng tay những hình-học trong chương trình nói trên.

Tập vẽ theo phân độ, những đồ vật dễ: bình-diện đồ, trác-diện đồ, chính-diện đồ).

Theo một tỷ-lệ xích, trước phát họa bằng tay, sau dùng dụng cụ mà vẽ tinh lại.

I. MÔN TOÁN HAY SỐ HỌC.

A) NHỮNG ÍCH LỢI CỦA MÔN TOÁN.

Môn toán dạy học sinh biết đếm, biết tính rợ (tính nhẩm, tính trâm), biết làm bài tính đở viết thành bài, biết giải quyết những bài tính xảy ra hằng ngày.

Một cá-nhân có thể không biết đọc biết viết mà không thể không biết đếm và làm tính đợc.

Môn toán có một giá-trị giáo-dục đặc-biệt ở chỗ nó mở mang các năng khiếu như: óc suy nghĩ, óc trật-tự, trọng sự thật, cách suy-luận đùng phương-pháp, có ý-chi cẩn-thận, sự biện phân phải trái, đùng và không đùng.

Môn toán đòi hỏi một sự chú-ý liên-tục.

B) MỘT VÀI NGUYÊN-TẮC CĂN-BẢN TRONG CÁCH DẠY MÔN TOÁN.

1⁰) Trong khi dạy môn toán, giáo-chức phải áp-dụng chương-trình học theo lối tiệm-thứ tăng-tiến, nghĩa là : trình độ lớp học càng cao là phạm-vi chương-trình càng mở rộng để bổ-túc sự học hỏi ở các lớp dưới.

2⁰) Chương-trình học phải có tính-cách thực-tế.

Phép tính rợ (tính nhẩm) đợc chú ý đặc-biệt và áp-dụng cho tất cả các lớp từ dưới lên trên. Đến giờ tính rợ (tính nhẩm), trẻ-con học các tính mau lẹ trong khi làm bài bằng miệng hoặc khi viết thành bài.

Đề của các bài tính phải thiết-thực, nghĩa là thuộc về các việc thông thường của đời sống hằng ngày.

Phần dành cho lý-thuyết cũng cần phải có đề giải rõ tại sao ta phải làm bài toán như thế này chứ không như thế kia ?

Môn toán ngày hôm nay không phải là hoàn-toàn do

kinh-nghệm mà biết. Nó có những nguyên-tắc căn-bản, những qui-luật rõ ràng.

II. PHÉP ĐO LƯỜNG (Le système métrique.)

CÁCH DẠY MÔN ĐO - LƯỜNG

Môn Đo-lường đi kèm với môn Toán học hay là Số học. Nó phải được dạy dưới hình-thức một bài quan-sát : học-sinh cần phải quan-sát rất nhiều học-cụ.

Đến giờ môn Đo-lường, giáo-chức cho mang ra các học cụ cần-thiết rồi cho học-sinh xem xét, sờ mó kỹ-lưỡng các món ấy. Sau đó giáo-chức tập chúng đo, cân, lường và ước lượng bề dài, bề cao, sức nặng các đồ vật trước mắt chúng và có sự kiểm-soát coi các ước lượng ấy có đúng không ?

Phép đo, cân, lường được dạy theo nguyên-tắc trước dễ sau khó, từ thấp lên cao.

III. HÌNH-HỌC HAY LÀ KỸ-HÀ-HỌC. (Géométrie).

1^o) **Tính-chất của môn Hình-học.** Ở trường sơ-tiêu, môn Hình-học có tính chất rất đơn giản, khiêm-tốn và nhất là thực-tế. Ở các lớp này không cần chứng-minh các định-lý kỹ-hà (Théorèmes de géométrie) là vì không phải chỗ.

Tuy-nhiên, các khái-niệm về hình-học được áp-dụng trong nhiều môn học khác như : Toán pháp, Đo-lường, Vẽ, Thủ-công v. v ...

Giáo-chức cần ra lệnh cho học-sinh cụ-thề-hóa những hình của môn học này bằng những giấy cứng, những miếng gỗ, khúc gỗ, miếng sắt, khúc sắt v. v ...

2^o) **Phương-pháp áp-dụng.** Đối với trẻ-con các lớp

nhỏ, giáo-chức tránh không nên dùng những danh-từ chuyên môn. Chúng chỉ biết : hình tròn (cercle) là *vòng tròn*, cầu-thể (sphère) là *viên đạn*. Giáo-chức không nên nói sớm quá những danh-từ : đường giữa hay là trung-tuyến (médiante), đường kính tâm (diamètre) và *huyền* (hypoténuse), hình bình-hành (parallélogramme) v. v ... Giáo-chức coi chừng đừng cho chúng học những định-nghĩa là những tri-thức trừu-tượng.

Giáo-chức để trước mặt trẻ con những hình bằng giấy cứng, bằng gỗ để chúng sờ mó, xem xét mà không chứng minh chi cả.

Ở các lớp nhỏ bậc sơ-tiểu, các môn Toán-học hay Số học, Đo-lường và Hình học được dạy như môn quan-sát. Bài dạy cần được cụ-thể-hóa bằng những tài-liệu, học-cụ dồi dào.

Ở các lớp lớn bậc sơ-tiểu, (lớp nhì, lớp nhứt, lớp tiếp-liên) cách dạy nói trên nhường chỗ lại cho cách dạy trừu-tượng hơn, nhưng rất đúng sự thật và rất rõ ràng. Ở các lớp này, sự quan sát các học cụ là nền tảng của bài dạy. Những sự phân tách các hình vật ấy cần phải được cẩn-thận, được học-sinh chú-ý và được phô bày bằng những chứng minh, những buổi suy luận (ở lớp Nhứt). Thí-dụ : một diện-tích, một dung-khối cần được tính toán một cách thật đúng.

IV. NHỮNG BÀI TOÁN ĐỐ (tính đố).

¹⁰⁾ **Mục-đích các bài toán-đố — sự lựa chọn các bài toán - đố.** Một bài toán - đố là sự áp - dụng những định-lý, những công-thức, thuộc ba môn là : Toán hay là Số học, Đo lường và Hình học. Làm một bài toán-đố là một cuộc tập luyện chiếm mất nhiều thi giờ. Công việc này góp phần vào sự đào-tạo tinh-thần trẻ con.

2^o) Các bài toán-đố phải có những tính-chất sau đây :

- a) Liên-hệ đến những bài đã học rồi.
- b) Có tính cách nhật dụng (usuels).
- c) Gồm những luận-cứ hay là bảng cứ (dĩ-tri số : données), xác-thực nghĩa là đúng và thực-tế.
- d) Có một tính-cách luân-lý đạo-đức nếu có thể được.
Thí-dụ : Một người thợ mộc mỗi tháng gửi vào kho tiết-kiệm 100đ. Hỏi trong 20 năm nó để dành được bao nhiêu ?

3^o) Các bài toán-đố nên góp phần vào sự đào-tạo tinh-thần trẻ-con.

Các bài toán đố bắt buộc trẻ con suy nghĩ nhiều và suy luận nhiều. Vậy, các bảng cứ hay là dĩ-tri số phải đúng với sự thực và ý nghĩa của đề bài toán phải rành rọt và được sắp xếp một cách hợp lý.

Không nên cho chúng làm những bài toán không thể giải quyết được hoặc có tính cách mưu mẹo để trẻ con mắc lừa. Các bài toán này khiến trẻ con suy nghĩ quá sức nhưng không đi đến đâu cả. Đó là sự phí thì giờ và làm mệt trí óc chúng một cách vô ích. Hành-động như thế là phản sư-phạm vậy.

4^o) Quyền sở sưu tập và các đầu-đề toán-đố.

Các bài toán đố cần phải thích hợp với trình-độ lớp học và nhất là với những nhu-cầu địa-phương. Vậy giáo-chức cần có một tập đầu bài toán đố do giáo-chức tự soạn ra, hoặc trích trong các sách giáo khoa, các khoa-học nguyệt san v. v... Các đầu bài ấy sẽ được lựa chọn, thêm bớt thế nào để cho vừa sức học sinh.

5^o) Sự giải đáp các bài toán-đố, phương-pháp áp dụng.

Phân tách suy-luận (Raisonnement analytique).

Phần này gồm có những việc như sau :

a) Đọc đi đọc lại đầu bài đã ra một cách cẩn thận.

b) Tự nêu câu hỏi : « Người ta hỏi gì ? Người ta muốn kiếm gì ? ». Học-sinh sẽ viết câu trả lời cho câu hỏi ấy lên trên đầu bài. Thí dụ : Tìm tiền lời ; tìm số tiền để dành trong năm v. v..., trước khi khởi sự suy-luận.

c) Sự phân-tách bài toán đố — Sự suy-luận.

Phân-tách một bài toán-đố tức là phân-biệt rõ rệt các thành-phần của bài làm và tìm ra sự liên-hệ giữa các thành-phần ấy. Với ý định luôn luôn tìm ra câu trả lời người ta sẽ đi chậm chậm, nhưng chắc chắn, ngược lại dùng các bằng-cứ mà không bỏ sót bằng-cứ nào.

Câu trả lời cần phải tìm ra ? Đó là khởi-điểm của cuộc phân-tách suy-luận.

Bằng những câu hỏi thích-ứng, giáo-chức sẽ lần lần dắt học-sinh đi ngược lại các bằng-cứ cho đến khi tìm ra câu trả lời của bài toán mới thôi.

CÁCH SẮP ĐẶT CUỘC PHÂN-TÁCH NHƯ SAU :

Đầu bài toán. — Một người thợ hồ ăn tiền công mỗi ngày 120 đ. Hãy tính số tiền của người ấy để dành cuối năm nếu người ấy chỉ làm việc có 275 ngày trong năm và chỉ có ăn tiêu 500 đ. mỗi tuần nhật.

Câu trả lời cần tìm ra : Tiền để dành cuối năm của người thợ.

SUY-LUẬN (Raisonnement).

a) Tiền để dành cuối năm : Tiền lãnh trong 1 năm.
Tiền ăn trong 1 năm.

b) Tiền lãnh trong năm : Tiền công mỗi ngày (120đ.) \times số ngày làm trong năm.

c) Tiền ăn tiêu trong một năm : Tiền ăn tiêu mỗi tuần (500 đ.) \times số tuần lễ trong năm.

Phần giải đáp :

a) Tiền lãnh trong năm của người thợ :

$$120 \text{ đ.} \times 275 = 33.000 \text{ đ.}$$

b) Tiền ăn tiêu trong năm của người thợ :

$$500 \text{ đ.} \times 52 = 26.600 \text{ đ.}$$

c) Số tiền để dành trong một năm :

$$33.000 \text{ đ.} - 26.000 \text{ đ.} = 7.000 \text{ đ.}$$

Trả lời: Số tiền của người thợ để dành trong một năm là : 7000 đ.

ĐIỀU CẦN CHÚ Ý

a) Chớ nên để học-sinh tưởng rằng chúng suy-luận khi chúng nói ; Muốn tìm ra kết quả mà người ta muốn biết, tôi phải nhân số này cho số kia : hoặc là : tôi chia số này cho số kia. Đó chỉ là phần phô-diễn các bài toán chớ không phải sự suy-luận.

b) Bất cứ một sự suy luận nào đều đòi hỏi một cố gắng về tinh thần, trí não. Sự suy luận chỉ rõ tại sao có bài toán này ? Tại sao có bài toán nọ ? Trong sự suy-luận này, chúng ta chỉ tập trẻ con lập nên những *tương-đẳng thức* (égalités) với những danh-tự chính-xác. Các tương-đẳng thức ấy là những giai-đoạn phải trải qua và cái này do cái kia mà có. Nhờ vậy mà học-sinh tập suy luận, tập sắp xếp ý-tứ mình có trật-tự, tỏ ra nghiêm khắc trong việc dùng từ-ngữ cho đúng.

c) Sự suy-luận và giải-đáp là hai việc khác nhau.

Trong phần suy-luận, người ta dùng những tiếng thông thường để trình bày các tương đẳng thức.

Trái lại, trong phần giải-đáp các tương đẳng thức được trình bày với các con số.

Lại nữa, tương-đẳng thức chót của phần suy-luận là tương-đẳng thức đầu của phần giải-đáp. Nói một cách khác, trong phần suy-luận người ta đi từ chỗ không biết đến chỗ biết. Trái lại, trong phần giải-đáp người ta đi từ chỗ biết đến chỗ không biết.

Phần giải-đáp là phần chỉ phải làm các bài toán như thế nào? Phần chính là phần suy-luận.

Một đôi khi vì thiếu thì giờ, giáo-chức có thể bắt học-sinh làm suy-luận bằng miệng thôi và chỉ viết bài giải-đáp vào vở.

6^o) **Sự sửa bài toán-đố.**

Sự sửa chữa một bài toán-đố phải có tính cách chung cho toàn lớp. Một vài học-sinh được gọi lên bảng đen để làm bài toán-đố lại, dưới sự hướng-dẫn của giáo-chức. Mỗi học-sinh tự sửa bài làm của mình trong tập vở. Giáo-chức xem lại các tập ấy và cho điểm. Nếu phần suy-luận, phần giải-đáp và phần làm toán đều trật hết thì giáo-chức bắt học-sinh làm lại tất cả bài y theo bài mẫu trên bảng đen. Để biết chắc học-sinh toàn lớp đã hiểu rõ bài mẫu, giáo-chức cần làm mấy việc sau đây :

a) Bắt các học-sinh kém nhất lớp lập lại phần suy-luận.

b) Bắt toàn lớp làm một bài toán tương-tự.

c) Bắt học-sinh dựa theo bài vừa làm xong mà thảo ra một dấu-đề bài toán tương-tự.

Điều cần chú ý.— Khi học-sinh, vì vô ý mà làm sai bài toán thì giáo-chức nên bắt chúng quan-sát lại kỹ-lưỡng chỗ sai để tự nhận-thức sự phi-lý câu trả lời của chúng.

V. MÔN TÍNH-RỢ (tính-nhằm hay tính-trằm).

1^o) **Định-nghĩa.**— Môn tính-rợ hay là tính-nhằm là môn tính mà người ta làm trong đầu óc một cách mau lẹ mà không cần bút hay bút chì để viết ra.

Không nên nhầm lẫn phép tính-rợ hay tính-nhằm với cách làm bốn phép toán mò nghĩa là : làm bốn phép toán bằng trí ký-ức và tưởng-tượng. Thí-dụ: Thay vì làm bài toán nhân trên bảng đen hoặc trên giấy thì người ta làm bài ấy trong trí óc, bằng trí tưởng-tượng cũng như người ta làm nó trên giấy vậy. (Áp-dụng cách thức giống, y như cách thức làm toán trên giấy).

Cách làm tính-nhằm khác hẳn với cách thông thường ấy.

2^o) **Sự quan-hệ và sự ích-lợi của phép tính-rợ tính-nhằm.**

a) **Giá trị thực-tế :** Bất cứ trong giờ phút nào trường-hợp nào, môn tính-rợ giúp cá-nhân giải quyết nhiều vấn-đề thông thường của đời người. Nó tránh sự mất thì giờ quá nhiều chuẩn-bị bài toán-đó viết.

b) **Giá trị giáo-dục :** Phép tính-rợ là phép thao-diễn tinh-thần trí não rất hay. Khi trẻ con tính-rợ chúng phải qui sự chú ý vào nội-giới và trí óc chúng lúc đó rất là hoạt-động. Nhờ thế mà trí khôn trẻ con trở nên tráng-khiến, uyển-chuyển.

Phép tính-rợ mở mang trí ký-ức về số học và kích thích một cách cực độ sự ganh đua giữa các trẻ con. Phép tính-rợ làm cho lớp học trở nên linh động, thích thú.

3^o) **Phương-pháp áp-dụng.**

Phương-pháp áp dụng gồm những điểm sau đây :

a) Đi từ số đơn-giản đến số phức-tạp. Tuần-tự hóa các nỗi khó khăn. Chương-trình môn tính-rợ cần được đọc kỹ lưỡng nhất là về phần áp-dụng các loại số.

b) Phân-tách các số. Thí-dụ : $562 = 500 + 60 + 2$

$$86 + 34 = (80 + 6) + (30 + 4) = (80 + 30) + (6 + 4) = 120.$$

$$54 \times 6 = (50 + 4) \times 6 = (50 \times 6) + (4 \times 6) = 300 + 24 = 324.$$

Do qui-luật phân - tách các số mà người ta tìm ra 2 qui-luật phụ-thuộc như sau :

Làm cho tròn các con (số thay thế con số có đơn-vị lẻ bằng con số có chục chẵn).

Chia các con số ra nhiều phần đồng-đều :

Phần nhứt. Làm tròn các số mà người ta tính-rợ rất mau.

Thí-dụ :

$$85 - 19 = (85 - 20) + 1 = 66.$$

$$85 - 21 = (85 - 20) - 1 = 64.$$

$$143 + 137 = 140 + 140 = 280.$$

Thí-dụ : Lấy số bình-quân các số sau đây :

54, 53, 51, 49, 48.

Làm tròn các số theo căn-bản 50.

$$54 = 50 + 4.$$

$$53 = 50 + 3.$$

$$51 = 50 + 1.$$

$$49 = 50 - 1.$$

$$48 = 50 - 2.$$

$$\frac{54 + 53 + 51 + 49 + 48}{5} = \frac{50 \times 5}{5} +$$

$$\left[\frac{(4 + 3 + 1) - (1 + 2)}{5} \right] = \frac{250}{5} + \frac{8 - 3}{5} = 51$$

Thí-dụ một bài toán nhơn :

$$86 \times 5 = \frac{(86)}{2} \times (5 \times 2) = 43 \times 10 = 430$$

$$35 \times 14 = (35 \times 2) \frac{14}{2} = 70 \times 7 = 490$$

Phần nhì = Chia các số ra nhiều phần đồng đều.

Nhơn một số cho 25. Qui-luật : Muốn nhơn một số cho 25 người ta nhơn số ấy cho 100 rồi người ta chia số thừa tích (produit) cho 4.

$$36 \times 25 = \frac{36 \times 100}{4} = 900$$

Nhơn một số cho 75. $75 = \frac{100}{4} \times 3$

Qui-luật : muốn nhơn một số cho 75, người ta nhơn số ấy cho 100 rồi người ta lấy $\frac{3}{4}$ số thừa tích

$$36 \times 75 = \frac{36 \times 100 \times 3}{4} = 2.700$$

Chia một số cho 12

Qui-luật : Muốn chia một số cho 12, người ta chia số ấy cho 3, kế chia thương số (quotient) đã tìm ra cho 4.

$$960 : 12$$

$$960 : 3 = 320 \quad 320 : 4 = 80$$

a) Khởi sự làm các bài toán từ phía bên tả (nghịch lại) cách làm ba phép toán : cộng, trừ, nhơn).

Thí-dụ :

$$\begin{aligned} 325 \times 6 &= (300 + 20 + 5) \times 6 \\ &= (300 \times 6) + (20 \times 6) + (5 \times 6) \\ &= 1800 + 120 + 30 = 1950. \end{aligned}$$

4^o) Theo cách nào làm một bài tính-rợ ?

Các phương-sách áp-dụng cho mỗi lớp.

a) **Lớp Tư.** — Sau khi dạy trẻ con làm toán cộng, toán trừ với những bó đũa, viên bi hay vật chi khác, giáo-chức sẽ bảo chúng làm lại hai phép toán ấy bằng cách tính rợ, nghĩa là không dùng vật hữu-hình nữa. Như thế giáo-chức dẫn trẻ con đi từ chỗ cụ-thể đến chỗ trừu-tượng vậy. Như thế giáo-chức bắt chúng cố gắng về tinh-thần theo trình-độ của chúng.

b) **Lớp Ba, lớp Nhì, lớp Nhứt** (lớp ra trường).

Các câu hỏi về phép tính-rợ (tính-nhằm) phải phù-hợp với trình độ của học-sinh. Nhưng bất cứ ở lớp nào vừa kể, phương-sách áp-dụng vẫn là một.

Trước nhất, giáo-chức giải rành cách tính rợ trên bảng đen trước mặt toàn lớp với nhiều thí-dụ. Qua bữa sau giáo-chức hỏi lại bài cũ bằng một trong hai cách sau đây :

Phương-sách thông thường : Hỏi bài. — Lần lượt mỗi học-sinh được gọi lên để trả lời câu hỏi của giáo-chức. Câu hỏi này là một bài toán cho toàn lớp. Thỉnh-linh, không theo một trật-tự nào, giáo-chức gọi nhiều học-sinh đứng lên trả lời.

Phương-sách La Martinière (dùng bảng đá con). Tất cả các học-sinh trong lớp trả lời câu hỏi của giáo-chức bằng một con số viết vào bảng đá con và giơ lên theo hiệu lệnh của giáo-chức.

Để tránh sự dòm ngó lẫn nhau, giáo-chức chia học-sinh trong lớp làm hai hạng : hạng số chẵn và hạng số lẻ ngồi lẫn lộn, xen kẽ nhau.

Giáo-chức ra một câu cho học-sinh số chẵn làm rồi lại ra câu khác cho học-sinh số lẻ làm.

5^o) Địa-vị của môn tính-rợ trong thời-khóa biểu.

Mỗi bài toán-học cần được có một bài tính-rợ kèm theo hoặc trước hoặc sau. Bài tính-rợ làm lâu lắm là 10 phút ở lớp Tư và lớp Ba ; 15 phút ở lớp Nhi và lớp Nhất. Thời giờ dành cho môn tính-rợ không nên dài, vì môn học này làm mệt trí trẻ con rất nhiều.

Đối với nhiều vấn-đề Toán-học, môn tính-rợ cần được dạy riêng thành bài và có những qui-luật rõ-ràng. Nhưng bất cứ lúc nào, mỗi khi làm toán thì học-sinh phải nhớ mà áp-dụng luôn luôn các qui-luật ấy để làm bài cho mau và ít nhầm lẫn.

VI. TỔNG-LUẬN VỀ MÔN TOÁN-HỌC

Lời chỉ dẫn của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Chương -trình Toán -pháp được soạn theo những nguyên-tắc sau đây :

1^o) Chỉ chọn lấy những điều cốt yếu cần cho đời sống mà dạy cho học trò.

2^o) Luyện cho trẻ con có khuôn phép và khuynh-hướng về đường thực-tế (sổ chi thu trong gia-đình, trong một đoàn-thê, sổ xuất nhập một cửa hàng nhỏ, bộ thuế và phụ thu, chia khẩu-phần ruộng v.v...)

Theo nguyên -tắc ấy, chương-trình sẽ gồm những điều cần thiết cho đời sống và các bài dạy toán-pháp sẽ có liên-lạc mật thiết với công việc hằng ngày. Những con số dùng phải là những danh số thường gặp chung quanh mình, những tỉ-dụ, đề-mục đều phải lấy trong vòng thực tế. Ở các lớp dưới, cần có nhiều vật nhỏ như hạt ngô, hạt đỗ, thẻ tre, cho trẻ học đếm.

Cũng vì những lẽ trên, phương-pháp dạy toán là phải « dạy ít tập nhiều ».

Ở tất cả các lớp, thầy nên chú-trọng về tính-trăm, (tính rợ, tính nhằm), tập sao cho học trò làm thật nhanh, thật đúng, thì khi ra đời mới có ích. Vậy nên chia chương trình tính-trăm như sau đây :

Ở ba lớp dưới, phần nhiều làm miệng, chỉ mỗi tuần vài lần tập làm trên giấy thôi.

Lên lớp Nhì và lớp Nhất, nên dạy tính-trăm có phương-pháp, đủ cả bốn phép : Cộng, trừ, nhân, chia.

Mỗi kỳ dạy toán-pháp cũng nên để năm phút ôn tính-trăm và khi làm tính đổ, nên cho học trò làm tính dễ bằng miệng không phải đặt xuống giấy chỉ làm lời giải thôi.

Về đo lường và hình-học, nên cho thực hành sát sự thật cho quen, thí-dụ học về cân thì cân thật, học về đo ruộng thì cho ra vườn, ra ruộng đo thật.

Về ước-lượng, thì ước-lượng chiều dài, sức nặng thời giờ, dung tích. Tập ước-lượng khi ở trong lớp, khi ngoài sân, khi hoạt-động thanh-niên và ở trong các cuộc đi chơi Ước-lượng xong phải kiểm soát ngay bằng thước, cân.

Bắt trẻ đo và nhớ lấy chiều dài một gang, một sải, một cánh tay, một bước của mình, để khi không có mét cũng đo ước-lượng được.

CHƯƠNG SÁU

MÔN VẼ

A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN VẼ Ở CÁC
LỚP SƠ-TIỂU

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục ; Chương-trình 1959)

Lớp Năm

Vẽ : 1 giờ 40'.

Lớp Tư

Vẽ : 50 phút.

Lớp Ba

Vẽ : 50 phút.

Lớp Nhì (nam sinh)

Vẽ : 50 phút.

Lớp Nhi (nữ sinh)

Vẽ : 25 phút.

Lớp Nhất (nam sinh)

Vẽ : 50 phút.

Lớp Nhất (nữ sinh)

Vẽ : 25 phút.

B) **CHƯƠNG-TRÌNH** (Bộ Quốc-gia Giáo-dục, Chương-trình 16-7-1959).

Lớp Năm

Vẽ phác bằng phấn rồi bằng bút chì những dụng-cụ rất đơn-giản, những đồ chơi trẻ con, để trước mặt học-trò. Dạy tô màu (bút chì màu) những hình vẽ sẵn.

Lớp Tư

Vẽ bằng bút chì đen hay bút chì màu những vật rất đơn-giản để trước mặt học trò.

Vẽ tự do.

Lớp Ba

Vẽ bằng bút chì đen hay bút chì màu những vật rất đơn-giản để trước mặt học trò.

Vẽ trang-trí với các đường.

Vẽ tả-chân các đồ vật rất giản-dị, các lá cây, các quả, củ.

Vẽ tự do.

Lớp Nhi

Cách ngắm và cách đo.

Vẽ tay các đồ vật thường dùng để trước mắt.

Lấy các đường, góc và hình đã học ở hình-học để tập vẽ trang-trí.

Vẽ theo trí nhớ : hoa quả, cây cỏ, các con vật (cho học trò nhận xét trước một vài ngày).

Vẽ tự-do.

Vẽ phong-cảnh, tập pha màu và tô màu nước.

Tô điểm các bài học như Thường-thức, Sử-ký, Địa-lý.

Học thuộc-lòng v.v.

LỚP NHẤT

Cách ngắm và cách đo (chỉ cần cho học-sinh hiểu sơ qua về cách vẽ phối-cảnh) :

Vẽ tay các đồ vật thường dùng để trước mặt học-sinh.

Vẽ theo trí nhớ các đồ vật, hoa quả, cây cỏ, thú vật thường thấy xung quanh mình.

Vẽ phong-cảnh (nhắc lại cách vẽ phối-cảnh).

Tập pha màu và tô màu nước.

Vẽ tự-do.

Vẽ theo tỷ-lệ xích và các đồ vật đơn giản.

Học-sinh đo kích thước mẫu và vẽ theo tỷ-lệ thầy cho.

C) SỰ QUAN - SÁT VÀ PHÊ - BÌNH CÁC PHƯƠNG - PHÁP VẼ XƯA.

1) Phương-pháp Guillaume hay là phương-pháp hình-học (Méthode géométrique).

Phương-pháp này do ông Eugène Guillaume, nhà điêu-khắc trứ-danh Pháp, chủ-trương căn cứ vào hai nguyên-tắc như sau :

Nguyên-tắc thứ nhất : Đi từ chỗ đơn-giản đến phức-tạp.

Nguyên-tắc thứ nhì : *Dưới tầm con mắt của người quan-sát không có vật gì, con thú gì mà không thể đem về các hình thể kỹ-hà được.*

Theo phương-pháp này, học-sinh bắt đầu tập gạch một đường ngay, vẽ một đường thẳng góc. Nhưng phương-pháp kỹ-hà chỉ là một phần của thuật vẽ mà thôi.

Lại còn có lối vẽ theo cảnh thiên-nhiên mà phạm-vi rất rộng. Cái chi trong cảnh thiên-nhiên mà học-sinh cố-gắng mô tả ra là sự thật hiển-nhiên. Sự thật hiển-nhiên ấy bao giờ cũng phức-tạp. Bắt đầu học-sinh phân tách trong một vật-dụng, trong một cái hoa, những thành phần giản-dị, rồi khỏi sự vẽ các đường khó hơn.

Đó là đi từ cái giản-dị đến cái phức-tạp. Như thế là ngay lúc đầu người ta đã dạy học-sinh cách vẽ trừu-tượng rồi. Đó là phương-pháp phản sư-phạm. Cách dạy vẽ như thế làm mất tính-cách vui thích, quyến-rũ của môn vẽ. Nếu các thành phần của sự thực hiển-nhiên bị phân-tách ra rồi, thì sự thực hiển-nhiên không còn gì là thích-thú nữa. Vậy nguyên-tắc thứ nhất được sửa lại như sau : « Đi từ cái dễ đến cái khó ».

Nguyên-tắc thứ nhì lại càng không đúng nữa là vì cảnh thiên-nhiên có những đường vẽ, những hình-thức, những màu sắc riêng của nó và những cái đó không thể nào được khếp vào những hình của môn kỹ-hà học hay là hình-học được.

Muốn đặt một cái hoa, một lá cây, một trái cây trong một hình tròn, hình bát-giác, hình lục-giác v.v... là phải rút bỏ tính biến-hóa, tính kiều-my của thiên-nhiên rồi. Còn gì đâu mà thích thú ! Giữa trẻ con và vật thiên-nhiên không nên có sự thực-thi hình-học.

Theo phương-pháp vẽ xưa này thì học-sinh phải tập

vẽ các đường ngay, đường gãy, đường cong, đường song-hành, các góc, các hình tam-giác, các hình chữ-nhật, các hình bình-hành, các hình tròn, các hình đa giác, các hình ngôi sao, các hình vẽ trên bảng, các hình vẽ sẵn trong tập đặc biệt. Sở dĩ các học-sinh vẽ được như thế là nhờ các trang giấy có gạch hình vuông, hoặc nhờ các hình mẫu có chấm cóc (ligne pointillée) hoặc vẽ bằng những nét nhỏ và lợt, hoặc những kiểu mẫu trang-trí vẽ trong các hình kỹ-hà.

Cách dạy môn vẽ như thế làm cho học-sinh sớm chán nản và thất-vọng vì chúng không được tự-do vẽ theo ý chúng.

Phương-pháp Guillaume giúp học-sinh sớm có bàn tay khéo léo, vẽ đường ngay thẳng, nhưng kết quả ấy chưa đủ. Môn vẽ cần có một giá-trị giáo-dục đặc-biệt bằng cách làm phát-triển các năng-khiếu trẻ con, bằng cách kích-thích thị-giác, óc quan-sát, và trí tưởng-tượng của chúng và nhưt là tình cảm-xúc trước cảnh thiên-nhiên. Ông Jean-Jacques Rousseau có nói : « Tôi muốn cho học-trò tôi học vẽ không phải vì nghệ-thuật mà là để có con mắt xem cho đúng và một bàn tay uyển-chuyển ». Vấn đề chính là cần biết coi trẻ con có phát-triển các năng khiếu không chớ không phải vẽ nhiều tranh ảnh đẹp.

2^o) Phương pháp chủ trương mô-phỏng (imiter) cảnh và vật thiên-nhiên. (Phương Pháp Ravaisson).

Phương pháp này chủ trương lấy những sự vật hiện-hiện trong cảnh thiên-nhiên làm kiểu mẫu. Trẻ con khởi sự vẽ những sự vật quanh chúng, thấy sao vẽ vậy. Nhưng vì ông Ravaisson chưa phải là nhà hội-họa chuyên-môn nên phương-pháp của ông bị bỏ rơi. Sau này phương-pháp ấy được đem ra áp dụng và thu thập được nhiều kết-quả.

3^o) Phương-pháp hiện-tại.— Phương-pháp này căn-cứ vào ba nguyên-tắc cốt yếu như sau :

a) *Tự-do cho học-sinh.* — *Tự-do cho giáo-chức.*

Tự-do cho học-sinh — Không phải học-sinh muốn vẽ chi thì vẽ vì toàn lớp học phải theo một chương-trình đã được ấn-định và cuối năm phải học hết. Tự do đây có nghĩa là : khi trẻ con vẽ một vật gì, giáo-chức không có quyền bắt chúng phải quan-sát sự thật theo cách của mình thấy, vẽ theo cách của mình.

Tự-do cho giáo-chức. — Câu ấy có nghĩa là : tuy rằng cuối năm giáo-chức phải dạy hết chương-trình nhưng giáo-chức được tự-do chọn lựa các kiểu mẫu phù-hợp với trình-độ học sinh, với thời-tiết địa-phương nếu các kiểu mẫu ấy là loài thảo mộc. Sự tự-do lựa chọn ấy buộc giáo-chức phải suy nghĩ, phải thực-tế và có trí tưởng-tượng dồi dào. Giáo-chức chỉ theo những nguyên-tắc đại-cương của chương-trình cho đúng mà thôi. Còn những chi tiết thì giáo-chức có quyền thay đổi nhiều đoạn cho phù hợp với hoàn-cảnh, với thời-tiết.

b) *Cho môn Vẽ một tính cách giáo-dục.*

Môn Vẽ được liệt vào các môn học phổ-thông. Nó giúp trẻ con có con mắt rất tinh-xảo, bàn tay khéo léo, óc quan-sát trí ký-ức rất tinh-tường đối với các hình-thức, các màu sắc. Nó lại còn làm phát-triển mạnh trí tưởng-tượng, cảm-giác tinh (sensibilité) và tình-cảm đối với cảnh thiên-nhiên.

Môn vẽ trợ lực cho các môn học khác trong chương-trình hầu làm phát-triển các năng khiếu tinh-thần và đạo-đức. Nó đi đôi với nhiều môn như : Sử-ký, Địa-lý, Khoa-học v.v...

c) *Sự quan-sát cảnh thiên-nhiên được phò bày một cách trực-tiếp và chất-phác.*

Vật chi mà học-sinh vẽ thì được để ngay trước mặt chúng để chúng quan-sát một cách trực-tiếp.

Giáo-chức không nên vẽ vật ấy trước trên bảng đen để trẻ coi và vẽ theo.

Cảnh thiên-nhiên được phỏ bày một cách chất-phác.

Học-sinh quan-sát trực-tiếp vật đưa ra làm kiểu mẫu. Chúng cố gắng tìm thấy sự thật hiển-hiện và vẽ một cách thành-thật tuy là các nét vẽ còn vụng về.

Cảnh thiên-nhiên dưới thiên hình vạn trạng vẫn luôn luôn là kiểu mẫu bất-diệt, bất-hủ.

b) Những áp-dụng thực-tế của môn Vẽ.

Ngoài mục-đích giáo-dục môn Vẽ lại còn được áp-dụng vào các nghề-nghiệp.

Ở các lớp sơ-tiểu môn Vẽ còn được chú-ý đặc-biệt vì lẽ công-dụng của nó rất lớn chẳng những ở nhà trường đối với các môn khác mà lại cần thiết khi trẻ con ra ở đời.

1^o) Vẽ đồ vật. Trong các bài Tập vẽ, sự vẽ các đồ vật là khó nhất. Sự vẽ hơi hơi giống hoặc tha hồ vẽ, tùy ý không thể tha thứ trong lối vẽ này. Điều cần yếu là vẽ giống hình đồ vật một cách minh xác.

Làm sao lâu ngày giáo-chức qui tụ lại được một chỗ (vật kiểu mẫu) sự chú ý của học sinh. Muốn được vậy giáo-chức sẽ cho học sinh xem luôn luôn đồ vật và có thể tạm tạm vẽ được đồ vật ấy. Một việc như thế đòi hỏi ở giáo-chức cũng như ở học sinh nhiều nhân nại, nhiều cố gắng.

Trong sự lựa chọn cho các kiểu mẫu, phải áp-dụng nguyên-tắc « Đi từ dễ đến khó ».

Kiểu mẫu nếu chỉ có một cái, phải được đề cao trên bàn giáo-chức trên một cái ghế, hoặc một chồng sách để cho mỗi học-sinh đều trong thấy.

Nếu có nhiều kiểu như nhau thì cần nên phát cho mỗi bàn một kiểu mẫu.

Trước khi học-sinh khởi sự vẽ: giáo-chức phải đề ít phút căn-dặn mọi điều cần-thiết (phép đo, phép nhắm, nói rõ khởi-điểm vẽ v.v...)

Trong khi học-sinh vẽ, giáo-chức đi sau lưng chúng sửa cách ngồi, cách cầm viết, cách đề tập vở, chỉ cho chúng thấy những chỗ vẽ sai và đề tự chúng nhận thấy mà chữa lại.

Kế đến sự sửa bài và cho điểm (sửa vài chỗ quá u sai trong mỗi bài mà thôi.)

2^o) **Các cách trang-trí** (Arrangements décoratifs). Những đồ-vật, nhứt là thảo mộc (hoa quả) đã có vẽ rồi được đưa ra làm yếu-tố trang-trí.

Học-sinh có thể trang-trí một *đường viền* (bordure), sự đóng khung, một đường vòng hoa, một cái thư, một góc trang giấy, một bìa vở, một thực-đơn v.v...

Ở đây trẻ con cần áp-dụng trí tưởng tượng của chúng để tạo ra một toàn-bộ vừa điều-hòa vừa mỹ-diệu. Trong các trường nữ-học cách sắp xếp trang-trí được áp-dụng cho công việc của phụ-nữ.

Giáo-chức cho học-sinh xem và vẽ kỹ lưỡng các thành phần của hoa, quả, lá, cội, nhánh v v...

Các thành-phần ấy sẽ được dùng làm tài-liệu cho các cơ-cấu mỹ-diệu và có thể biến-đổi.

3^o) **Sự tò mò.** Các sự tập-luyện vẽ-mò là sự tiếp nối

tự-nhiên của các bài vẽ các món đồ và các cách sắp xếp trang-trí.

Phương-pháp này dạy phải vẽ mò lại những món đồ và những cách sắp xếp trang-trí đã vẽ trước kia hoặc vẽ những bài vẽ phác-họa hoặc chuẩn-họa (croquis) các đồ vật sau khi đã xem kỹ các đồ vật ấy và mang cất đi. Trong trường-hợp ấy giáo-chức chỉ định trước một kiểu mẫu (đồ vật, đèn đài, phong cảnh). Học sinh xem kiểu-mẫu ấy rõ ràng và sau đó vẽ lớp chúng sẽ vẽ mò.

Sự vẽ mò làm phát-triển trí ký-ức trẻ con với các hình thể. Nó bắt buộc học-sinh quan-sát kỹ lưỡng những sự vật hiện-hiện trước mắt chúng.

4^o) Những bài vẽ giải-nghĩa các bài học. Những bài vẽ cụ-thể hóa bài học một cách chính xác. Các bài học ấy thuộc các môn như: Sử-ký, Địa-lý, Việt-ngữ, Khoa-học, Thủ-công. v v. . .

Sự trang-trí một bài Tác-văn là cách mô tả bằng hình ảnh những ý tứ của bài văn.

5^o) Các bài vẽ tự-do ngoài giờ học.

Các bài này có mục-dịch huấn-luyện trí ký-ức, kích-thích tinh-thần trẻ con và làm phát-triển cao-hứng của chúng về mỹ-thuật.

Học-sinh được tự do lựa chọn đề-tài, nhưng tốt hơn là giáo-chức đề-nghị một chủ-đề (thème) chung cho toàn lớp rồi tự-do mỗi học-sinh sẽ trình bày chủ-đề ấy theo trí tưởng-tượng của mình. Ít có học-sinh trình bày một cách hoàn toàn loại bài vẽ này vì nó đòi hỏi nhiều đức-tính tuyệt-hảo.

Cần nhất là giáo-chức đặc-biệt đề ý đến sự cho màu cho đúng và cho tươi,

6^o) **Sự nặn tượng, nặn hình (modelage).**

Nghệ-thuật này có một ích-lợi chắc chắn. Nó giúp trẻ-con có bàn tay khéo léo và tập chúng có con mắt rất tinh. Sự tập luyện này cần được áp-dụng cho các trường mẫu-giáo và các lớp nhỏ trường sơ tiểu. Nó cũng có thể được áp-dụng cho lớp Tư, lớp Ba và lớp Nhi nữa. Nó bổ-túc những bài vẽ trên giấy bằng cách làm nổi bật lên những chi tiết của một hình ảnh, chi tiết mà người ta không thể thấy trong hình vẽ trên giấy.

7^o) **Các bài vẽ kỹ-hà.**— Các chuẩn-họa (croquis cétés).

Loại bài vẽ này được dạy ở lớp Nhi.

Nó là hậu-quả tự-nhiên của môn kỹ-hà.

Chỉ ở lớp Nhứt và lớp Tiếp-liên bài chuẩn-họa mới được vẽ vào giấy với những dụng-cụ đặc biệt. Ở lớp Nhi giáo chức có thể khởi sự nói sơ qua cách vẽ này.

Cách vẽ này có một công-dụng thực-tiên rất lớn.

E) **KẾT-LUẬN.**

Nói tóm lại chương-trình môn Vẽ ngày nay rất phù-hợp với quan-niệm đứng đắn của môn ấy và được áp-dụng một cách thích-thú đối với con trẻ. Giá-trị giáo-duc của môn Vẽ càng ngày càng hiện rõ. Sự thích-thú của trẻ-con về môn Vẽ chứng-minh rằng : ngày nay môn ấy đã được hướng-dẫn đúng đường.



CHƯƠNG BẢY

MÔN ÂM-NHẠC. — MÔN HÁT

(Môn này không có trong chương-trình Bộ Quốc-gia Giáo-dục).

I. ÂM-NHẠC Ở TRƯỜNG SƠ-TIỂU.

Sự đem âm-nhạc vào chương-trình sơ-tiểu đã gặp phải sự phản-đối của cha mẹ học-sinh.

Các lời phản-đối ấy căn cứ vào các lẽ sau đây : Nhà trường là nơi học-hành chứ không phải là nơi chơi, nơi ca hát.

Trẻ-con không đủ thì giờ để học các môn chính-yếu có đâu dư thì-giờ để học ca hát !

Những sự phản-đối ấy sau rồi cũng được bỏ qua khi mà các bậc phụ-huynh nhận-thức được sự ích-lợi của môn ấy.

Hiện nay môn Hát đi đôi với các môn khác trong chương-trình. Nó có mục-đích làm cho việc học-tập trở nên vui tươi. Vì vậy mà môn ấy không thể bị bãi bỏ được.

II. SỰ ÍCH LỢI CỦA MÔN HÁT.

Về nhiều phương-diện, sự ích-lợi của môn hát quá lớn :

1^o) Về phương-diện kỷ-luật và trật-tự ở nhà trường.

Môn Hát được áp-dụng trong nhiều trường-hợp như sau : mỗi buổi sáng, khi vào lớp, trước khi học, học-sinh toàn lớp đứng lên hát một bài để phấn-khởi tinh-thần. Môn Thề-dục và môn Hoạt-động thanh-niên đều đi song-song với môn Hát.

Trong giờ học nếu giáo-chức nhận thấy toàn lớp uể-oải, mệt nhọc, thì giáo-chức cho tất cả học-sinh đứng lên hát một bài ngắn và vui để kích-thích tinh - thần chúng.

2^o) **Về phương-diện sinh-lý.** Môn Hát có mục-đích rèn luyện bộ-phận phát âm và làm mở mang hai buồng phổi của trẻ con. Nó tập trẻ con phát âm đúng giọng, nói rõ ràng, không trại bệ. Đồng thời nó giúp chúng có tỉnh - giác rất tinh - vi biết phân-biệt các âm thanh.

3^o) **Về phương-diện trí-thức.** Môn Hát làm phát triển ở trẻ con mỹ-thị-hiểu (le goût du beau) bằng cách giúp chúng biết thưởng-thức những bài hát hay, biết nhận ra những bài hát dở, thô và câu-kỳ. Lại nữa, môn Hát là phương-tiện luân-chuyển đi khắp nơi những tư-tưởng hay, đẹp, cao-thượng. Các tư-tưởng ấy nhờ được trình bày dưới hình-thức những âm-điệu du-dương sẽ in sâu vào tâm hồn của mọi người.

Các tư-tưởng ấy soi sáng trí khôn con người và thúc-giục những quyết-định sáng suốt, hợp thời.

4^o) **Về phương-diện đạo-đức tinh-thần.** Môn Hát giúp giáo-chức rất nhiều về sự nâng cao tinh-thần đạo-đức trẻ-con. Nó giúp mọi người yêu đời, mến đời, thưởng-thức những lạc thú của sự làm việc, phổ-diễn tinh-thần hóa-ái, yêu-đương, trong gia-đình, kích-thích lòng bác-ái trong mỗi tâm-hồn, cao-thượng-hóa con người bằng cách giúp cá-nhân tránh những lời nói, những cử-chỉ thô-kệch, tục-tẩn. Môn Hát là phần tô-diểm môn luân-lý vậy.

III. CHƯƠNG-TRÌNH MÔN HÁT

1^o) Ở các lớp Mẫu-giáo.

Ở các lớp này, môn Hát chiếm phần lớn. Nó đi đôi với các cuộc chơi, các hoạt-động tuần-tự tiệm-tiến. Nó xuất hiện giữa hai giờ học để giải trí trẻ-con. Trẻ con cần hát cũng như chúng cần nói. Một trường mẫu-giáo mà không có môn Hát chỉ là một nhà giam trẻ con thôi. Các bài hát ở các lớp này phải giản-dị và có nhạc-cụ hòa theo.

Từ 2 đến 5 tuổi, trẻ-con đồng ca (nghe hát rồi hát lại). Từ 5 đến 6 tuổi, trẻ-con đồng ca (nghe hát rồi hát chung lại; kể đó là đơn-ca).

2^o) Ở các trường sơ-tiểu.

a) Ở lớp Năm. Tập hát như ở lớp lớn Trường mẫu-giáo (từ 5 đến 6).

b) Ở lớp Tư và lớp Ba. Trẻ-con nghe hát rồi hát lại. Ở hai lớp này cần sửa chữa, rèn tập giọng hát và lỗ tai trẻ-con bằng những bài Tập đọc cho đúng chữ và hát cho đúng giọng và âm-điệu. Phần này rất cần-yếu.

c) Ở lớp Nhì. Chương-trình gồm có những bài hát đồng ca: nghe và hát lại — Ở lớp này, giáo chức bắt đầu dạy trẻ-con những khái-niệm về cách tập đọc nhạc-phổ (solfège); có phần lý-thuyết về âm-nhạc và có sự tập đọc nhạc-phổ và những bài ám-tả về âm-nhạc được dạy bằng miệng.

Giáo-chức phải tập học-sinh có những tập-quản hay, như: sự phát-âm rõ-rệt, sự thở cho đều và dài, sự đánh vần rõ-rệt các lời hát.

d) Ở lớp Nhất (lớp ra trường). Ôn lại các khái-niệm đã học trước kia; tổ chức những buổi hợp-ca và những giờ nghe hát, các buổi giải-thích các tác-phẩm, các nhà âm-nhạc trứ-danh bằng cách dùng máy hát, máy radio vãn vãn...

IV. MÔN HÁT VỚI LÝ-THUYẾT ÂM-NHẠC

PHƯƠNG-PHÁP ÁP-DỤNG

Theo phương-pháp này, giáo-chức phải dạy học-sinh hát trước rồi sau mới dạy nhạc-phổ và lý-thuyết âm-nhạc. Tập hát là phần cụ-thể; nhạc-phổ và lý-thuyết âm-nhạc là phần trừu-tượng.

Về phần kỹ-luật, giáo-chức có thể áp-dụng một trong hai lối sau đây :

1^o) **Âm-phổ** theo lối xưa nay (notation musicale usuelle).

2^o) **Mật-phổ** (Notation chiffrée).

V. PHƯƠNG-SÁCH DẠY MỘT BÀI HÁT.

Ở nhà trường, môn Hát được dạy bằng cách nghe hát rồi hát lại. Trước tiên, giáo-chức viết những lời hát (les paroles) trên bảng đen và giải-nghĩa các lời ấy cho rành rẽ.

Sau đó, giáo-chức cho học-sinh học thuộc lòng bài ấy như một bài ám-đọc vậy. Nhờ thế, học-sinh sẽ hiểu ý-nghĩa toàn bài, sẽ nhớ lâu và sẽ hát có giọng một cách khôn ngoan.

Giáo-chức hát toàn bài trước để giúp học-sinh có ý-niệm khái-quát về giọng của bài, nhất là của các đoạn hay. Kế giáo-chức hát từ câu một và bắt học-sinh hát theo cho thuộc. Trong lúc ấy giáo-chức sửa giọng của mỗi học-sinh. Sau khi học-sinh đã hát thuộc câu ấy thì giáo-chức dạy chúng hát câu kế và như vậy cho đến hết bài.

Giáo-chức phải có cây dương-cầm (piano) để hòa theo hầu dẫn dắt trẻ con hát cho đúng giọng. Giáo-chức phải có một « âm-xích » (diapason) hay là « dĩa-cầm » (harmonium) để tập học-sinh phát âm cho đúng.

VI. SỰ LỰA CHỌN BÀI HÁT

Bài hát phải được lựa chọn kỹ lưỡng. Một bài hát phải hoàn-toàn đẹp về lời cũng như về âm-điệu. Ý-tư bài hát phải cao-thượng. Lẽ dễ hiểu là bài hát sẽ được ghi sâu vào tâm-hồn trẻ con và sẽ có ảnh-hưởng lớn-lao về sự đào-luyện tinh-tinh của chúng.

VII. LÝ-THUYẾT ÂM-NHẠC

Những bài tập đọc nhạc-phổ — Âm-tả âm-nhạc.

a) Sự tập đọc nhạc-phổ.

Lý-thuyết âm-nhạc không có ở chương-trình, các lớp nhỏ tiểu-học từ lớp Ba trở xuống. Nhưng nó được ghi trong chương-trình lớp Nhì. Về điểm này, giáo-chức chỉ dạy những điều cần-thiết thôi, như giá-trị các dấu hiệu âm-nhạc dùng trong nhạc-phổ. Trẻ con cần tập đọc nhạc-phổ cho nhiều mà chỉ học lý-thuyết ít thôi.

b) Phần âm-tả âm-nhạc. Phần này tập học-sinh nghe hát một tiếng mà định ra âm của tiếng ấy và viết ra thành dấu trên giấy.

Ở trường sơ-tiểu, học-sinh chỉ cần nói bằng miệng âm ấy là âm gì thôi.

VIII. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, lúc sau này các nhà sư-phạm đều công-nhận rằng môn Âm-nhạc, môn Hát, có một công-dụng lớn lao về phương-diện giáo-dục. Môn hát làm cho việc làm hằng ngày trở nên nhẹ nhàng giúp cá-nhân thích làm việc và cao-thượng hóa tinh-thần cá-nhân. Nó là một hình-thức mỹ-thuật mà toàn dân bất cứ ai đều có thể thưởng-thức được. Nó là môn học giúp trẻ con sau khi rời ghế nhà trường có một thính-giác tinh-xảo về âm-nhạc, một tinh-tinh vui-vẻ, ưa làm việc và thích sống.

CHƯƠNG TÁM

MÔN THỦ - CÔNG

A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN THỦ - CÔNG
(Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình năm 1956)

Lớp Năm

Thủ-công : 1 giờ.

Lớp Tư

Thủ-công : 1 giờ.

Lớp Ba

Thủ-công : 1 giờ.

Lớp Nhì (nam-sinh)

Thủ-công : 0 giờ 50'

Lớp Nhất (nam-sinh)

Thủ-công : 0 giờ 50'

B) CHƯƠNG-TRÌNH MÔN THỦ - CÔNG Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU.

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục — Chương-trình 16-7-1959).

Lớp Năm

Môn chính : Sắp những mảnh bìa, mảnh gỗ đã cắt sẵn thành những hình nhà cửa, loài vật, hoa lá, v.v... (theo mẫu vẽ sẵn). Xếp và cắt giấy thành những hình đơn-giản theo đúng mẫu (nên cho dùng kéo mũi tròn).

Lặt-vật : Bọc sách vở, đóng vở mỏng, gói đồ vật, ép hoa lá, lau bàn ghế, xếp (gấp) quần áo.

Lớp Tư

Môn chính : Cắt giấy và bìa theo hình vẽ cho đúng kiểu đã ấn-định.

Cắt giấy bìa màu rồi học lối dán có mỹ thuật.

Xếp giấy thành đồ chơi.

Sắp những mảnh bìa thành hình. (Khó hơn ở lớp Năm).

Lặt vật : Đóng vở, cắt nhãn sách, đề nhãn sách, gọt bút chì, buộc dây giày, làm nút mực, gói, chải quần áo ; gấp (xếp) quần áo, ép hoa lá, đánh mũ, làm phong-bì thư làm các đồ dùng (tấm, đĩa, chổi, quần bút bằng giấy, đèn xếp, Quốc-kỳ v.v...)

Lời dặn : Không nên dùng dao, kéo mũi nhọn.

Lớp Ba

Môn chính : Cắt bìa cứng mà đóng những đồ dùng như hộp, lịch, khung ảnh, đồ chơi (có thể dùng vừa bìa vừa tre).

Tập đóng sách theo cách đơn-giản.

Lặt vật : Quét nhà, lau bàn ghế, lau bảng, lau cửa

kinh, đóng vở, cắt nhãn sách, gọt bút chì, buộc dây giày, chải quần áo, gấp (xếp) quần áo, đánh giày mũ. Gói hàng, buộc gói, vót tăm, chẻ đóm v.v... làm các đồ cần dùng : (chổi, quạt, đèn xếp, đèn nhiều góc, Quốc-kỳ, túi đựng sách vở, gáo múc nước v.v...

PHẦN DÀNH RIÊNG CHO NỮ HỌC-SINH

Lớp Năm

Bọc sách vở, đóng vở mỏng, giữ-gìn sách vở, gói đồ vật, ép hoa lá, lau bàn ghế, quét lớp.

Tập cầm kim, khâu (xỏ) kim, may mũi tới, đột thưa đột khít, mũi chữ thập trên vải bố to. Cắm hoa, xếp đặt đồ dùng có thứ tự.

Lớp Tư

Gọt bút chì, đóng vở, cắt nhãn sách, đề nhãn sách, quét lớp, lau bàn ghế, xếp sách vở, dán Quốc-kỳ, làm đèn xếp, gấp (xếp) quạt. Thêu các đường : luồn vắt, đột thưa, đột khít, cành cây, xúc-xích, hình chữ V, mũi chữ thập.

Lặt rau, gọt khoai, lau ấm chén, dọn khay trà, giặt khăn tay và gấp (xếp) khăn tay.

Cắm hoa, xếp-đặt đồ dùng có thứ-tự.

Lớp Ba

Đóng vở, làm nhãn sách vở, quét nhà cửa, lau bàn ghế, rửa ấm chén, gói hàng, buộc gói, vót tăm, giặt quần áo, gấp quần áo, làm Quốc-kỳ, bó chổi, gấp quạt v.v...

Gấp nếp (xếp plis) nổi vắt, nổi đẹp các đường rua thường, các đường vắt nghiêng, vắt thẳng, xúc-xích, cành cây, xương cá, thêu 25 chữ cái trên vải bố to. May nuông, may rút chỉ. Tập cắt và may khăn tay, áo gối ống, áo gối dài, tã lót.

PHẦN DÀNH RIÊNG CHO NAM HỌC-SINH

Lớp Nhi

Môn chính : Nặn theo hình-thức theo hình vẽ, theo mẫu có sẵn, theo mẫu tự-nhiên (hoa, quả, lá) làm đồ chơi bằng đất sét, bằng sáp hay bằng thạch-cao (plâtre).

Tập cưa, vót, đục, bào, giũa, vắn đinh ốc (nếu có học-xưởng.)

Đóng sách bằng bìa cứng (carton.)

Lặt-vật : Lau bàn ghế và cửa kính, trang-hoàng lớp học, làm ống tắm, ống hoa bằng tre, còi, sáo bằng tre, đánh giày da, giặt quần áo, mài dao, đan quạt. Làm các thứ hộp, đồ chơi. Tập trồng hoa vào chậu, xếp đặt các đồ dùng cho thứ tự.

Lớp Nhất

Môn chính : Nặn các súc vật và người.

Đóng sách in và xén sách.

Lặt-vật : Đánh bàn ghế, lau cửa kính, làm các thứ hộp, vài loại bằng giấy.

Làm khung ảnh, lồng kính, làm lịch, cặp và giá bằng giấy. Làm đồ chơi móc màn, móc màn.

Trang-hoàng nhà cửa, đánh đồ kim-khí. Tập trồng hoa vào chậu, xếp đặt các đồ dùng cho có thứ-tự.

Chú-ý : Chương-trình này thi-hành vừa ở trường vừa ở ngoài nhà trường, tùy theo thời giờ và phương-tiện.

Môn chính của mỗi lớp phải dạy thật kỹ.

Làm một vật gì phải làm cho thật xong. Nếu thuận-tiện, nên đưa học trò đi thăm các cửa hàng. Các xưởng

thợ, để chúng xem các thợ chuyên-môn làm thế nào
đặng so sánh với công việc của chúng, (để bắt chước hay
cũng có khi để làm một cách sáng suốt hơn).

C) LÝ DO ĐEM MÔN THỦ-CÔNG VÀO CHƯƠNG-TRÌNH SƠ-TIỂU.

Mục-dịch của trường Sơ-tiểu là chuẩn-bị học-sinh
vào trường đời. Sau khi ra đời, không phải tất cả học-
sinh đều sẽ là công chức làm việc tại các văn-phòng cả.
Phần lớn trong đó phải trở về thôn quê lo việc đồng-áng
hoặc theo học một nghề nào. Nếu ngay bây giờ chúng
không học môn Thủ-công thì sau ra đời chúng sẽ bỡ ngỡ
trước những công việc làm bằng tay.

Ở trường Sơ-tiểu, môn Thủ-công lại còn có mục-dịch
đánh tan thành-kiến cho rằng : nghề làm bằng tay đê tiện
hơn nghề làm bằng trí óc. Nói một cách khác, môn Thủ
công cho thấy rằng : các nghề nông, công, thương cũng
vinh-diệu như nghề « Sĩ » vì lẽ các nghề nói trên cũng
tham gia vào sự kiến-thiết Quốc-gia một cách đặc lực và
làm tăng uy-tín của nước nhà đối với ngoại bang. Như
cơ-hội này, nhà trường đã phá thành kiến các bậc phụ-
huynh là cho con em đi học chỉ ước mong chúng sẽ thi
đỗ để ra làm quan.

D) SỰ ÍCH-LỢI CỦA MÔN THỦ-CÔNG.

Môn Thủ-công có những ích-lợi như sau :

1^o) **Góp phần vào thể-dục** : Bắt trẻ con hoạt-dộng
bằng tay môn Thủ-công góp phần vào Thể-dục và như
thế lập sự quân-bình giữa phần tinh-thần và cơ-thể của
trẻ con. Đồng thời môn Thủ-công đóng vai môn giải-trí.

2^o) **Môn Thủ-công có một ích-lợi thực-tiền**. Tuy
rằng được dạy một cách sơ-lược môn Thủ-công có một

ảnh-hưởng lớn-lao đối với học-sinh. Nó quyết-định một phần nào tương-lai của trẻ bằng cách khuyến-kích những khuynh-hướng tự-nhiên của trẻ con và giúp trẻ rất nhiều trong sự hướng-nghiệp.

Đến giờ Thủ-công học-sinh tập áp-dụng các dụng-cụ khi chúng làm những món đồ bằng sắt, bằng gỗ hoặc bằng đất sét. Nhà trường cần có một học-xưởng để chúng đến đó học làm các món đồ, học vẽ các chuẩn-họa đơn-giản.

Môn Thủ-công tập nữ học-sinh quen với nghề, « kim chỉ » bằng cách tập chúng may và vá quần áo, hai việc mà một người đàn bà gương mẫu không thể không biết được.

3^o) **Môn Thủ-công có một ích-lợi về đạo-đức tinh-thần.** Môn Thủ-công sẽ giúp cá-nhân có công ăn việc làm tránh sự nhàn cư với những tư-tưởng xằng bậy.

E) NHỮNG ĐẶC-TÍNH CỦA MÔN THỦ-CÔNG Ở CÁC TRƯỜNG NAM HỌC-SINH.

Ở các trường nam học-sinh, môn Thủ-công có những đặc tính sau đây :

1^o) **Cách dạy phải theo nguyên-tắc tiệm thứ tăng-tiến.** Câu ấy có nghĩa là chương-trình dạy phải phù hợp với trình-độ và tuổi tác của học-sinh. Làm các đồ vật dễ ở các lớp nhỏ, làm các đồ vật khó ở các lớp lớn.

2^o) **Những bài Thủ-công phải có một điểm tựa trong môn Vẽ.** Thực ra bài tập Vẽ đã dọn đường cho bài Thủ-công bằng cách tập trẻ con nhận-thức rõ ràng hình thể của một đồ vật và rất đúng với thước tắc.

3^o) **Môn Thủ-công phải có một tinh chất giáo-dục.** Môn Thủ-công không phải là môn để giết thời giờ

và thủ-cựu. Trái lại, môn ấy phải được giảng dạy một cách hợp lý. Nó dung hòa lý-trí và sự làm việc bằng tay, bằng mắt và nhứt là làm cho tay và mắt trở nên khéo léo tinh-xảo.

4⁰) **Môn Thủ-công dung-hòa môn Toán-học với môn quan-sát.** Nói một cách khác, trong nhiều trường-hợp nó là sự áp-dụng cụ-thể của hai môn ấy.

5⁰) **Tính cách thực-tiến của môn Thủ-công.**

Không lãng quên tính cách, giáo-dục của nó, môn Thủ-công lúc nào cũng nghĩ đến sự làm thỏa-mãn các nhu-cầu hiện tại của học-sinh.

F) NHỮNG ĐẶC-TÍNH CỦA MÔN THỦ-CÔNG TRONG CÁC TRƯỜNG NỮ-HỌC.

1⁰) Ở các trường Sơ-tiểu nữ-học, môn Thủ-công cần được dạy dưới hình-thức nhất tề giáo-dục. Có như thế cuối niên-khoá nữ giáo-chức mới có thể dạy hết chương-trình được.

2⁰) Ở trường nữ Sơ-tiểu, giáo-chức không nên nghĩ đến sự sản-xuất những kiệt - tác, danh-tác, mà chỉ cho học-sinh làm những công việc thuộc về đời sống hằng ngày như : may áo, vá áo, v. v .. Ban đầu phải cho chúng tập thữ. Sau đó mới cho chúng làm những đồ thủ-công nhỏ như : may quần áo trẻ con ; việc đan áo tricot với kim dài và có móc phải được đề sau hết các bài học trong mỗi lớp.

3⁰) **Đối với các nữ học-sinh, môn Thủ-công phải có tính-cách vừa là thực-tiến vừa là giáo-dục.**

Nó phải dung-hòa trí-khôn với tác-động của ngón tay. Nhờ có phần dành cho trí-khôn cho nên bài học lúc nào cũng vui-thích đối với học-sinh.

G) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn Thủ-công ở trường Sơ-tiểu đã được đặt đúng chỗ của nó, vì lẽ sau khi ra trường phần lớn trẻ con phải làm những việc thủ-công ngay. Môn thủ-công trong trường-hợp ấy sẽ giúp trẻ con có tay và mắt tinh-xảo. Đồng thời nó cũng giúp chúng yêu mến nghề thủ-công. Nó cần hòa-hợp với sự giáo-dục tổng-quát chớ phong phải ở bên cạnh. Nó rất cần-thiết cho sự hướng-nghiệp trẻ con. Nó trợ-lực cho nhiều môn như Vẽ, Hình-học và Toán học.

Trong một nước dân-chủ, nó cần được khuyến-khích để làm cho trẻ con cũng như người lớn ưa thích làm việc bằng tay.

CHƯƠNG CHÍN

MÔN HOẠT-ĐỘNG THANH-NIÊN

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình 16-7-1959).

Lời chỉ-dẫn

I.—Mục-đích.— Tôn-chỉ.— Nguyên-tắc.

Thường thường trong lớp học, giữa thầy và trò có cái không khí kính-nể, nên khó lòng mà tìm hiểu tánh tình trẻ để thực-hiện công-cuộc giáo-dục một cách chu-đáo ; vả lại giữa anh em bạn cũng không có sự liên-lạc mật-thiết, nên khó mà gây được tinh-thần tập-thể.

Môn Hoạt-động thanh-niên sẽ :

- 1^o) Gây tinh đoàn-kết, óc hy-sinh, tinh-thần tương-thân tương-ái giữa các học-sinh đồng lớp, đồng trường.
- 2^o) Phát huy tinh-thần tự-giác, chí độc-tập, tinh-thần trách-nhiệm, tôn-trọng kỷ-luật.
- 3^o) Gây cho trẻ một sức khỏe bền bỉ bằng cách cho học-sinh ham sống ngoài trời và ưa tập thể-dục, thể-thao.
- 4^o) Tập cho học-sinh quen sống với thực-tế, sẵn sàng tiếp-xúc với đời để khỏi ngỡ ngàng một khi về nhà hoặc rời ghế nhà trường.